| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN H**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số 367/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 6 năm 2022
*V/v: Xin ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa*: **Bà Lương Thị Thu H**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1. Bà Nguyễn Thị Xuân P**

**2. Bà Nguyễn Thị Tuyết T**

***- Thư ký phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị L** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H;

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H*** *tham gia phiên tòa*: **Ông Ngô Minh H** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa

*1.* ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1972; Đăng ký hộ khẩu: số 85 phố B, phường N, quận H, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Số 6 phố L, phường B, quận H, thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

*2.* ***Bị đơn:*** Ông Lê Khắc D, sinh năm: 1969; Đăng ký hộ khẩu: số 85 phố B, phường N, quận H, thành phố H; Nơi cư trú trước khi bị truy nã: Số 6 phố L, phường B, quận H, thành phố H; Hiện đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 13 ngày 15/10/2019 của Công an quận H. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H:*

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/02/2022, bản tự khai ngày 21/02/2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và tình cảm: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Lê Khắc D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết

hôn ngày 14/6/2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố H, trước khi kết hôn, ông bà chưa ai kết hôn lần nào.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống tại số 85 phố B, phường B (nay là phường N), quận H, thành phố H. Từ năm 2014 ông bà chuyển đến ở tại số 6 phố L, phường B, quận H, thành phố H. Quá trình chung sống với nhau đến năm 2018 ông bà phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống khác nhau. Năm 2019, ông D vi phạm pháp luật, bỏ trốn và bị Công an quận H ra quyết định truy nã, đến nay ông D ở đâu gia đình và bà H không biết. Do ông D và bà H đã ly thân từ lâu. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà có nguyện vọng ly hôn ông D để bà ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà H và ông D có một con chung tên là Lê Linh C, sinh ngày 01/12/2000. Hiện nay con chung đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường. Khi ly hôn, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Hồng H không có yêu cầu nào khác.

*2. Ý kiến của Bị đơn ông Lê Khắc D:*

Ông Lê Khắc D đã bỏ trốn, đang bị Công an quận H ra quyết định truy nã. Ông không còn sinh sống tại số 6 L, phường B, quận H, thành phố H, vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ địa chỉ cư trú mới. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo ý kiến của nguyên đơn, thông báo phiên họp và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và hòa giải, thông báo giao nộp chứng cứ; Quyết định đưa vụ án xét xử và quyết định hoãn phiên tòa), đã đăng trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông D không đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp, hòa giải và không nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

*3.Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:*

- Tại Biên bản xác minh ngày 28/02/2022 với đại diện tổ dân phố số 5, phường B nơi cư trú của bà H và ông D cung cấp như sau: Bà Nguyễn Thị Hồng H sinh năm 1972 và ông Lê Khắc D sinh năm 1969, sinh sống tại số 6 L, phường B, quận H, thành phố H từ lâu. Năm 2019, ông D vi phạm pháp luật và hiện nay bị Công an quận H truy nã. Quá trình chung sống tại địa chỉ trên, tổ dân phố không thấy vợ chồng bà H và ông D phát sinh mâu thuẫn ra bên ngoài còn nội bộ trong gia đình mâu thuẫn như thế nào tổ dân phố không biết rõ. Vợ chồng ông bà có 01 con chung là Lê Linh C, sinh năm 2000, cháu đã trưởng thành, sức khỏe bình thường. Về tài sản, nhà ở chung của vợ chồng ông bà: Tổ dân phố không biết rõ. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn theo pháp luật.

- Tại biên bản xác minh ngày 28/02/2022 với đại diện Công an phường B, quận H, thành phố H cung cấp: Ông Lê Khắc D, sinh năm 1969, đăng ký hộ

khẩu tại số 85 B, phường N, quận H, thành phố H. Ông D trước đây sinh sống cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H tại số 6 L, phường B, quận H, thành phố H. Hiện nay ông Lê Khắc D đang bị truy nã theo Quyết định truy nã bị can số 13 ngày 15/10/2019 của Công an quận H.

4. *Tại phiên tòa:*

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, do tính cách và quan điểm sống khác nhau, quá trình chung sống ông D đã đi lăng nhăng với người phụ nữ khác, từ năm 2019 đến nay ông D vi phạm pháp luật nên bỏ trốn, ông D ở đâu bà và gia đình không biết. Đến nay, bà H xác định không còn tình cảm với ông D, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D để bà ổn định cuộc sống .

Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung, bà H vẫn giữ nguyên những ý kiến đã trình bày, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân quận H thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định như sau: bà H và ông D kết hôn hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã nảy sinh một thời gian dài và trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông D hiện đang bỏ trốn, ở đâu không biết, vợ chồng không quan tâm đến nhau, nên yêu cầu của bà H xin ly hôn ông D là phù hợp với Điều 51và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn ông D.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có một con chung tên là Lê Linh C, sinh ngày 01/12/2000. Hiện nay con chung đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường. Khi ly hôn, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: Bà H, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là ông Lê Khắc D, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông D có nơi cư trú cuối cùng trước khi bỏ trốn là số 6 phố L, phường B, quận H, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các Văn bản tố tụng sau: Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo ý kiến của nguyên đơn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa ông D và bà H. Việc tống đạt văn bản tố tụng là hợp lệ theo quy định tại Điều 179; Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông D không đến Tòa làm việc. Tòa án căn cứ vào Điều 227 hoãn phiên tòa và đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông D.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Lê Khắc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/6/2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố H, thể hiện là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, giữa vợ chồng bà H và ông D đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống. Ông D đã bỏ đi khỏi nhà từ năm 2019 đến nay nên vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Qua đó thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã trầm trọng và không có khả năng khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp với các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H với ông D.

[5]. Về con chung: Vợ chồng ông bà có một con chung là cháu Lê Linh C, sinh ngày 01/12/2000. Hiện nay con chung đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường. Khi ly hôn, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không đưa ra yêu cầu. Giành quyền khởi kiện cho ông D về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung của bà H và ông D trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[8]. Về án phí: Bà H là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

***Căn cứ***:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220; Điều 271; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

***Xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng H đối với ông Lê Khắc D. Bà H được ly hôn ông D.

2. Về con chung: Xác nhận bà H và ông D có một con chung là Lê Linh C, sinh ngày 01/12/2000. Hiện nay con chung đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Giành quyền khởi kiện cho ông D về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung của bà H và ông D trong vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012221 ngày 17/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, bà H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, bà H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**
- Đương sự;
- VKSND quận H;
- UBND P.B, H, H (GCNKH số 79, quyển số 01.2006, ngày 14/6/2006)
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lương Thị Thu Hà**